

## TỜ TRÌNH

V/v đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định một số nội dung và mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVIII

Đề chuẩn bị kỳ họp thường lệ cuối năm 2023 (kỳ họp thứ 12), Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVIII, nhiệm kỳ 2021-2026; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết “*Quy định một số nội dung và mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025*” với nội dung như sau:

### A. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

#### I. Cơ sở pháp lý

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Khoản 2, Điều 126, Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 (Thông tư số 55/2023/TT-BTC): “*Đối với các địa phương đã ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định nội dung và mức hỗ trợ được tiếp tục thực hiện và rà soát lại theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp không còn phù hợp thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp*”.

#### II. Cơ sở thực tiễn

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (TT 53/2022/TT-BTC); Thông tư 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (TT 46/2022/TT-BTC); Thông

tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (TT 15/2022/TT-BTC), HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 Ban hành quy định một số nội dung và mức chi từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc NSNN thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND).

Ngày 15/8/2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 55/2023/TT- BTC bãi bỏ các Thông tư số 15/2022/TT-BTC; số 53/2022/TT-BTC và số 46/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính. Sau khi rà soát các nội dung quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC, một số nội dung và mức hỗ trợ tại Nghị quyết 35/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Bình không còn phù hợp cần phải bãi bỏ, một số nội dung cần phải bổ sung. Vì vậy cần thiết phải ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND.

## **B. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **I. Mục đích**

Việc ban hành Nghị quyết nhằm sửa đổi, bổ sung, cụ thể hóa các mức chi theo các điều khoản quy định tại Thông tư hướng dẫn quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021 – 2025 phù hợp với thực tiễn địa phương, tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ mức chi trên địa bàn tỉnh.

### **II. Quan điểm**

Việc xây dựng, ban hành Nghị quyết đảm bảo tuân thủ quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và các nghị định hướng dẫn thi hành.

Các quy định về nội dung, mức chi kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương, khả năng ngân sách địa phương đảm bảo phù hợp với Thông tư hướng dẫn quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025; một số nội dung chi, mức chi áp dụng theo các quy định hiện hành của tỉnh Quảng Bình.

## **C. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang tại Thông báo số 335/TB-VPCP ngày 18/8/2023 về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang, Trưởng BCD Trung ương tại Hội nghị trực tuyến của BCD Trung ương các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 với các địa phương. Nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh giải ngân vốn Chương trình mục tiêu quốc gia những tháng cuối năm 2023, UBND tỉnh đã có Công văn số 1930/UBND-TH ngày 27/9/2023 giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Nông

nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động, Thương binh và xã hội, Ban Dân tộc và các sở, ngành, địa phương có liên quan rà soát các nội dung đã được ban hành theo quy định các Thông tư trước đây không còn phù hợp với quy định của Thông tư số 55/2023/TT-BTC; tham mưu văn bản UBND tỉnh hoặc dự thảo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo quy định Thông tư số 55/2023/TT-BTC (nếu có).

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, ngày 29/9/2023, Sở Tài chính đã có các Công văn số 3218/STC-NS, số 3219/STC-NS, số 3220/STC-NS, số 3221/STC-NS, số 3222/STC-NS, số 3223/STC-NS gửi cho các đơn vị chủ trì thực hiện các Chương trình MTQG và một số đơn vị chủ trì các dự án, thành phần của các Chương trình MTQG đề nghị rà soát các nội dung tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC.

Trên cơ sở nội dung rà soát của các đơn vị liên quan, Sở Tài chính tổng hợp, dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết và có Công văn số 3570/STC-NS ngày 30/10/2023 xin ý kiến các sở, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thành phố, thị xã có liên quan đến triển khai thực hiện các chương trình MTQG tham gia vào nội dung dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết.

Căn cứ ý kiến của các Sở ngành, đơn vị, UBND các huyện, thành phố, thị xã, Sở Tài chính tổng hợp gửi Sở Tư pháp thẩm định đảm bảo trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Sở Tư pháp đã có ý kiến thẩm định tại văn bản số 38789/BC-STP ngày 17/11/2023.

## **D. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

### **I. Về bố cục của nghị quyết**

Dự thảo Nghị quyết gồm 03 điều, trong đó:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết Quy định một số nội dung và mức chi từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quy định một số nội dung và mức chi từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết bao gồm 04 chương:

- Chương I – Những quy định chung: Từ Điều 1 – Điều 4

- Chương II – Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc NSNN thực hiện chương trình MTQG Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (Từ Điều 5 – Điều 7)

- Chương III – Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc NSNN thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (Điều 8)

- Chương IV – Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc NSNN thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Điều 9 đến Điều 30).

## **II. Về các nội dung chính của Nghị quyết**

1. Chương II – Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc NSNN thực hiện chương trình MTQG Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (Từ Điều 5 – Điều 7):

- Điều 5. Chi hỗ trợ duy trì hoạt động của mô hình truyền thông cộng đồng

- Điều 6. Chi hỗ trợ duy trì hoạt động của mô hình "Câu lạc bộ thủ lĩnh của sự thay đổi"

- Điều 7. Hỗ trợ người dân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số học xóa mù chữ

2. Chương III – Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc NSNN thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025:

- Điều 8. Chi tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (xã khu vực III)

3. Chương IV – Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc NSNN thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Điều 9 đến Điều 30):

- Điều 9. Chi hỗ trợ cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở

- Điều 10. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô gia đình, cấp thôn

- Điều 11. Chi hỗ trợ xây dựng và phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp

- Điều 12. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại

- Điều 13. Chi hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP

- Điều 14. Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn

- Điều 15. Chi hỗ trợ lựa chọn, hoàn thiện và nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương

- Điều 16. Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền; hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững

- Điều 17. Hỗ trợ người dân ở vùng nông thôn tham gia học xóa mù chữ

- Điều 18. Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở

- Điều 19. Chi thực hiện các Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh

- Điều 20. Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình về thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải hữu cơ, chất thải nông nghiệp, phụ phẩm nông nghiệp, chất thải nhựa theo nguyên lý tuần hoàn; mô hình cộng đồng dân cư không rác thải nhựa

- Điều 21. Chi đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường

- Điều 22. Chi hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn

- Điều 23. Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai thí điểm một số mô hình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn

- Điều 24. Chi hỗ trợ triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới

- Điều 25. Chi triển khai Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”

- Điều 26. Chi hỗ trợ triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025”

- Điều 27. Chi vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”

- Điều 28. Chi hỗ trợ thí điểm và nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát của cộng đồng.

- Điều 29. Chi hỗ trợ động viên, khuyến khích cho các xã phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu

- Điều 30. Điều khoản chuyển tiếp

*(Dự thảo Nghị quyết và Phụ lục giải trình chi tiết cơ sở đề nghị ban hành nội dung, định mức chi)*

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

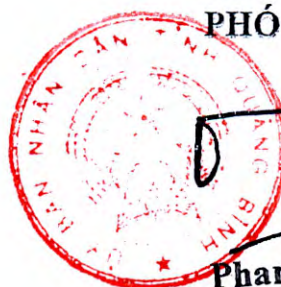
*Nơi nhận;*

- Như trên;
- TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, TC, LĐT&XH, NN&PTNT;
- Ban dân tộc tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phan Mạnh Hùng**

**GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ BAN HÀNH NỘI DUNG,  
MỨC CHI THEO THÔNG TƯ SỐ 55/2023/TT-BTC  
NGÀY 15/8/2023 CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

*(Kèm theo Tờ trình số: 2393 /TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2023 của  
UBND tỉnh Quảng Bình)*

**I. CÁC NỘI DUNG TIẾP TỤC KẾ THỪA, KHÔNG THAY ĐỔI NỘI DUNG,  
MỨC CHI TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 35/2022/NQ-HĐND**

Các nội dung tại Khoản 6, 11, 14 của Điều 5 Nghị quyết 35/2022/NQ-HĐND.

**II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ BÃI BỎ**

**1. Bãi bỏ nội dung tại Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 35/2022/NQ-HĐND (Chi hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước):**

Tại Điều 81 – Thông tư 55/2023/TT-BTC không còn quy định nội dung “Chi hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước” (Trước đây nội dung này được quy định tại Khoản 2, Điều 7, Thông tư 53/2022/TT-BTC).

**2. Bãi bỏ nội dung tại Khoản 7 Điều 5 Nghị quyết 35/2022/NQ-HĐND (Chi đẩy mạnh sản xuất chế biến muối theo chuỗi giá trị).**

Lý do đề nghị bãi bỏ: Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định nội dung Chi đẩy mạnh sản xuất chế biến muối theo chuỗi giá trị thực hiện theo Điều 89 của Thông tư này.

**III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

Khoản 2, 3, 4, 5, 8, 9, 10, 12, 13 của Điều 5 Nghị quyết 35/2022/NQ-HĐND.  
Cụ thể:

**1. Sửa đổi nội dung “Chi tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở” tại Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 35/2022/NQ-HĐND (Điều 8, Điều 9 Dự thảo Nghị quyết):**

Lý do sửa đổi: Tại Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ thiết lập mới đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông cho một đài truyền thanh cấp xã: mức hỗ trợ 100% nhưng không quá 400 triệu đồng/đài truyền thanh cấp xã; mức hỗ trợ nâng cấp đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông cấp xã: Mức hỗ trợ 100% nhưng không quá 200 triệu đồng/đài truyền thanh cấp xã.

Theo quy định mới tại Khoản 4, Điều 76 Thông tư số 55/2023/TT-BTC, đối với CTMTQG Giảm nghèo bền vững: Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương đối với thiết lập mới đài truyền thanh xã tối đa 300 triệu đồng/xã/huyện đảo; Mức hỗ trợ nâng cấp, chuyển đổi công nghệ tối đa bằng 70% mức hỗ trợ thiết lập mới.

Theo quy định mới tại Điều 82 Thông tư số 55/2023/TT-BTC đối với CTMTQG Xây dựng nông thôn mới: “Chi mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã, trang bị phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện để đảm bảo yêu cầu của công tác thông tin, tuyên truyền theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, Quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật về đấu thầu và quản lý, sử dụng tài sản công. Ngân sách trung ương hỗ trợ đối với đài truyền thanh xã. Ngân sách địa phương hỗ trợ đối với cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện”.

Đồng thời, Khoản 2, Điều 127 Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định: “Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và tình hình thực tế, HĐND cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương để hỗ trợ thêm cùng với nguồn ngân sách trung ương”.

Như vậy, điểm b, Khoản 2, Điều 5, Quy định kèm theo Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với khoản 4, Điều 76 và Điều 82 Thông tư 55/2023/TT-BTC như sau:

- Tổng mức hỗ trợ tối đa để đảm bảo kinh phí thiết lập mới đài truyền thanh xã không quá 400 triệu đồng/đài (Trong đó từ nguồn ngân sách trung ương tối đa 300 triệu đồng/đài truyền thanh cấp xã, ngân sách tỉnh đối ứng tối đa 100 triệu đồng/đài truyền thanh cấp xã).

- Mức hỗ trợ nâng cấp đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông cấp xã: mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/đài truyền thanh cấp xã.

- Trang bị phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện để đảm bảo yêu cầu của công tác thông tin, tuyên truyền mức hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/đài từ nguồn ngân sách Tỉnh đối ứng Chương trình MTQG Nông thôn mới.

## **2. Sửa đổi nội dung “Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt” tại Khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 35/2022/NQ-HĐND (Điều 10 dự thảo nghị quyết):**

Lý do sửa đổi: Khoản 1, 2 Điều 83 Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định:

“ 1. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương, nội dung chi xây dựng, quản lý mô hình thực hiện theo quy định tại khoản 12 và khoản 13 Điều 4 Thông tư này”.

Khoản 12 và khoản 13 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định như sau:

“12. Chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, mô hình đối với Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới (không bao gồm các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất): Mức

*hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 70% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi, không quá 50% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện còn lại.*

*Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện thực tế của từng dự án, kế hoạch, phương án, mô hình, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này; Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định mức hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình do trung ương thực hiện; cơ quan phê duyệt dự án, kế hoạch, phương án, mô hình do địa phương thực hiện quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.*

*13. Chi xây dựng và quản lý dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất ...”*

Như vậy, Khoản 3 Điều 5 Quy định kèm theo Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với khoản 1, 2 Điều 83 Thông tư số 55/2023/TT-BTC như sau:

- Hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và ngân sách Tỉnh đối ứng để hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô gia đình, cấp thôn không quá 10.000.000 đồng/mô hình quy mô gia đình, không quá 500.000.000 đồng/mô hình quy mô cấp thôn. Trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao; hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các địa phương còn lại trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

+ Ngân sách Tỉnh đối ứng: Hỗ trợ 30% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao; hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các địa phương còn lại trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

**3. Sửa đổi nội dung “Chi hỗ trợ xây dựng và phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp” tại Khoản 4 Điều 5 Nghị quyết 35/2022/NQ-HĐND (Điều 11 dự thảo Nghị quyết):**

Lý do sửa đổi: Khoản 2, Điều 84 Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định: “Chi tối đa 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng, vùng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho các cá nhân tổ chức. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh. Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện, thực tế của từng dự án, mô hình, kế hoạch, phương án, địa phương, quy

*định chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này, cơ quan phê duyệt dự án, mô hình, kế hoạch, phương án tại địa phương quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, mô hình, kế hoạch, phương án nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”.*

Nội dung chi hỗ trợ xây dựng và phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, chuyên đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyên đổi số trong nông nghiệp theo Nghị quyết 35/2022/NQ-HĐND chưa quy định định mức cụ thể. Vì vậy đề nghị bổ sung định mức cụ thể đối với 03 đối tượng: đối với vùng trồng cây ăn trái, đối với vùng trồng lúa và đối với vùng trồng rau củ quả thực phẩm và đối với các sản phẩm chăn nuôi, thủy sản. Ngoài ra bổ sung thêm nội dung hỗ trợ từ ngân sách tỉnh chi phí truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực xã, huyện, tỉnh.

Như vậy, Khoản 4 Điều 5 Quy định kèm theo Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với khoản 2, Điều 84 Thông tư số 55/2023/TT-BTC như sau:

- Mức hỗ trợ tối đa 100% kinh phí nhưng không quá 6.000.000 đồng/mã số (đối với vùng trồng cây ăn trái có diện tích từ 1 ha trở lên); không quá 5.000.000 đồng/mã số (đối với vùng trồng lúa có diện tích từ 5 ha trở lên); không quá 5.000.000 đồng/mã số (đối với vùng trồng rau củ quả thực phẩm có diện tích từ 0,1 ha trở lên).

- Hỗ trợ 100% chi phí điều tra, tư vấn chứng nhận vùng sản xuất, vùng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, VietGaHP...) tối đa không quá 50.000.000 đồng/vùng sản xuất.

- Hỗ trợ chi phí truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực xã, huyện, tỉnh: Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh 100% kinh phí nhưng không quá 20.000.000 đồng/cơ sở.

#### **4. Sửa đổi nội dung “Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại” tại Khoản 5 Điều 5 Nghị quyết 35/2022/NQ-HĐND (Điều 12 dự thảo Nghị quyết):**

Lý do sửa đổi: Điều 86 Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định: “Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho một (01) cơ sở, tổ chức, cá nhân theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện, thực tế của từng dự án, mô hình, kế hoạch, phương án, địa phương, quy định chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này, cơ quan phê duyệt dự án, mô hình, kế hoạch, phương án tại địa phương quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, mô hình, kế hoạch, phương án nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”.

Nội dung chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại theo Nghị quyết 35/2022/NQ-HĐND chưa quy định định mức cụ thể cho từng mô hình sản xuất nông nghiệp hiện đại (trồng trọt, chăn nuôi và nuôi

trồng thủy sản) cũng như chưa quy định rõ mức hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và mức hỗ trợ đối ứng từ ngân sách địa phương.

Như vậy, Khoản 5 Điều 5 Quy định kèm theo Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Điều 86 Thông tư 55/2023/TT-BTC như sau:

Hỗ trợ từ ngân sách Trung ương (50% kinh phí thực hiện) và ngân sách Tỉnh đối ứng (50% kinh phí thực hiện) để hỗ trợ kinh phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao nhưng không quá 200.000.000 đồng/mô hình đối với trồng trọt, 100.000.000 đồng/mô hình đối với chăn nuôi, 450.000.000 đồng/mô hình đối với nuôi trồng thủy sản.

**5. Sửa đổi nội dung “Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới” tại Khoản 8 Điều 5 Nghị quyết 35/2022/NQ-HĐND (Điều 16 dự thảo Nghị quyết)**

Lý do sửa đổi: Để thực hiện các dự án điểm du lịch nông thôn, phát triển sản phẩm du lịch nông thôn và xây dựng mô hình phát triển du lịch nông thôn cần kinh phí lớn và hiện tại trên địa bàn tỉnh cần phải xây dựng các điểm làm điển hình, có hiệu quả thiết thực để tạo động lực thu hút, kêu gọi các tổ chức, cá nhân triển khai đầu tư nhân rộng mô hình. Trong điều kiện chi phí đầu tư ban đầu các điểm du lịch lớn và khả năng kinh tế ban đầu của các tổ chức, cá nhân tại nông thôn trên địa bàn tỉnh hạn chế, qua quá trình rà soát tình hình triển khai thực hiện năm 2022, 2023 việc thực hiện hỗ trợ theo Khoản 8 Điều 5 Nghị quyết 35/2022/NQ-HĐND Quy định kèm theo Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND mức hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền và hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt khó triển khai thực hiện có hiệu quả vì định mức thấp. Vì vậy đề nghị nâng mức hỗ trợ, cụ thể:

(1). Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền theo điểm a, khoản 2, Điều 94 Thông tư 55/2023/TT-BTC. Nội dung chi cụ thể quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 1, Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và khoản 2, Điều 16, Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 70% trên tổng mức đầu tư do cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 2 tỷ đồng/mô hình.

(2). Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo điểm d, khoản 2, Điều 94 Thông tư 55/2023/TT-BTC. Nội dung chi cụ thể quy định điểm đ, khoản 4, Điều 1, Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch

nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025 và khoản 5, Điều 16, Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Mức hỗ trợ: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ 70% trên tổng mức đầu tư do cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 3 tỷ đồng/mô hình.

**6. Sửa đổi nội dung “Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở” tại Khoản 9 Điều 5 Nghị quyết 35/2022/NQ-HĐND (Điều 18 dự thảo Nghị quyết):**

Lý do sửa đổi: Theo quy định tại Điều 100, Nội dung 01, Mục 5 Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới tại Thông tư 55/2023/TT- BTC:

- Không còn quy định các nội dung hỗ trợ mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp tỉnh, cấp huyện; thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa – Thể thao cấp huyện nên đề nghị bãi bỏ các nội dung này lại Khoản 9 Nghị quyết 35/2022/NQ-HĐND.

- Điều chỉnh định mức hỗ trợ tại Khoản 9 Nghị quyết 35/2022/NQ-HĐND:

+ Thông tư quy định Trung ương hỗ trợ Nhà Văn hóa – Khu thể thao thôn, bản: 30 triệu đồng/thiết chế (mức cũ quy định 50 triệu đồng/thiết chế). Điều chỉnh bổ sung nguồn NS tỉnh đối ứng để giữ mức hỗ trợ 50 triệu đồng/thiết chế.

+ Thông tư quy định Trung ương hỗ trợ tủ sách xã: 30 triệu đồng/tủ sách (mức cũ quy định 50 triệu đồng/tủ sách). Điều chỉnh bổ sung nguồn NS tỉnh đối ứng để giữ mức hỗ trợ 50 triệu đồng/tủ sách.

+ Thông tư quy định Trung ương hỗ trợ tủ sách thôn, bản: 20 triệu đồng/tủ sách (Mức cũ quy định 30 triệu đồng/tủ sách). Điều chỉnh bổ sung nguồn NS tỉnh đối ứng để giữ mức hỗ trợ 30 triệu đồng/tủ sách.

**7. Sửa đổi nội dung “Chi triển khai Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng” tại khoản 10 Điều 5 Nghị quyết 35/2022/NQ-HĐND (Điều 25 dự thảo Nghị quyết):**

Lý do sửa đổi: Theo quy định khoản 1, Điều 116 Thông tư 55/2022/TT-BTC quy định: “Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện, thực tế của từng mô hình, quy định chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) mô hình (đối với mô hình do trung ương thực hiện); cơ quan phê duyệt mô hình (đối với mô hình do địa phương thực hiện) quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) mô hình nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”.

Như vậy, khoản 10 Điều 5 Quy định kèm theo Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND mức hỗ trợ 30.000.000 đồng/mô hình trong thực tiễn qua rà soát tình hình triển khai thực hiện năm 2022, 2023 khó triển khai thực hiện hiệu quả vì định mức

thấp vì vậy đề nghị nâng mức hỗ trợ lên 70.000.000 đồng/mô hình cho phù hợp với tình hình triển khai thực hiện.

Như vậy, khoản 10 Điều 5 Quy định kèm theo Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với khoản 1, Điều 116 Thông tư 55/2023/TT-BTC như sau: Hỗ trợ từ ngân sách đối với mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa 70.000.000 đồng/mô hình.

**8. Sửa đổi nội dung “Chi hỗ trợ triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025” tại Khoản 12 Điều 5 Nghị quyết 35/2022/NQ-HĐND (Điều 26 dự thảo Nghị quyết):**

Lý do sửa đổi: Theo quy định tiết c, Khoản 2 Điều 117 Thông tư 55/2023/TT-BTC: “Chi hỗ trợ thành lập mô hình và duy trì sinh hoạt mô hình Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp tại cấp trung ương, đại diện vùng miền và nhân rộng mô hình tại các cấp tỉnh/thành; mạng lưới cố vấn/tư vấn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh và mới thành lập do phụ nữ làm chủ. Nội dung cụ thể xây dựng mô hình thực hiện theo hướng dẫn của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam. Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 116 Thông tư này”.

Khoản 12 Điều 5 Quy định kèm theo Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ từ ngân sách 50.000.000 đồng/mô hình trong thực tiễn khó triển khai thực hiện và đề tương đương mô hình chi hỗ trợ triển khai Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng nên đề nghị nâng mức hỗ trợ. Vì vậy, đề nghị sửa đổi mức hỗ trợ như sau: Hỗ trợ từ ngân sách đối với mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa 70.000.000 đồng/mô hình.

**9. Sửa đổi nội dung “Chi hỗ trợ người dân đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ” tại Khoản 13 Điều 5 Nghị quyết 35/2022/NQ-HĐND (Điều 7, Điều 17 dự thảo Nghị quyết):**

Lý do sửa đổi: Tại Khoản 13 Điều 5 Nghị quyết 35/2022/NQ-HĐND chỉ quy định đối tượng học xóa mù chữ là người dân đồng bào dân tộc thiểu số theo khoản 5, Điều 20 Thông tư 55/2023/TT-BTC (Chương trình MTQG Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi), chưa quy định đối tượng học xóa mù chữ được quy định tại Khoản 1 Điều 97, Thông tư 55/2023/TT-BTC (Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới). Ngoài ra để động viên, khuyến khích người học xóa mù chữ phù hợp với cấu trúc chương trình xóa mù chữ nên điều chỉnh mức hỗ trợ thành 03 mức đối với người học xóa mù chữ cả chương trình, người học xóa mù chữ giai đoạn 1 và người học xóa mù chữ giai đoạn 2.

Vì vậy để phù hợp với quy định của Thông tư 55/2023/TT-BTC, đề nghị điều chỉnh:

- Hỗ trợ 3.000.000 đồng/người/chương trình học (Người học tham gia đủ 02 giai đoạn gồm 05 học kỳ theo cấu trúc chương trình xóa mù chữ do Bộ Giáo dục & Đào tạo

quy định).

- Hỗ trợ 1.800.000 đồng/người/giai đoạn 1 (Người học tham gia giai đoạn 1 bao gồm kỳ 1, kỳ 2, kỳ 3 theo cấu trúc chương trình xóa mù chữ do Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định).

- Hỗ trợ 1.200.000 đồng/người/giai đoạn 2 (Người học tham gia giai đoạn 2 bao gồm kỳ 4, kỳ 5 theo cấu trúc chương trình xóa mù chữ do Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định).

#### **IV. Các nội dung, mức chi đề nghị bổ sung mới so với Nghị quyết 35/2022/NQ-HĐND**

##### **1. Chi hỗ trợ duy trì hoạt động của mô hình truyền thông cộng đồng (Điều 5 dự thảo Nghị quyết):**

Lý do đề nghị ban hành: Khoản 1, Điều 36 Thông tư 55/2023/TT-BTC quy định: “*Mô hình truyền thông cộng đồng: Mức hỗ trợ trọn gói 03 triệu đồng/mô hình; kinh phí hỗ trợ duy trì mô hình được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương tùy theo điều kiện, khả năng cân đối của từng địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành*”.

Để các mô hình “Truyền thông cộng đồng” có kinh phí duy trì các hoạt động thì ngoài Ngân sách Trung ương hỗ trợ thành lập 3 triệu đồng/mô hình thì phải bố trí từ ngân sách địa phương (đối ứng thực hiện Chương trình MTQG Phát triển Kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi) để duy trì các hoạt động của mô hình. Vì vậy, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh về nội dung này là phù hợp và cần thiết, nhằm đưa ra mức hỗ trợ cụ thể, làm cơ sở để triển khai thực hiện.

Mức hỗ trợ duy trì hoạt động của mô hình đề nghị: 3 triệu đồng/mô hình/năm được bố trí từ nguồn kinh phí đối ứng ngân sách tỉnh phân bổ cho ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG Phát triển Kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi.

##### **Cơ sở đề xuất:**

- Theo hướng dẫn của Hội LHPN Việt Nam, mô hình “Truyền thông cộng đồng” được thành lập thôn/bản/buôn/ấp (Gọi tắt là thôn). Đối với các thôn đã có Tổ nhóm tương tự, có thể kiện toàn và vận hành đảm bảo theo hướng dẫn của Hội LHPN Việt Nam. Số lượng Tổ truyền thông có khoảng 07 đến 10 thành viên.

- Nội dung hoạt động của mô hình: Tuyên truyền, vận động người dân tại cộng đồng thay đổi nếp nghĩ cách làm, góp phần xóa bỏ các định kiến giới, khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và giải quyết một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Ban Thường vụ Hội LHPN tỉnh ban hành Hướng dẫn triển khai Dự án 8 số 12/HD-BTV ngày 06/10/2022 trong đó đề ra chỉ tiêu đến 2025 có 61 mô hình được thành lập.

- Có 102 thôn, bản thuộc 15 xã (11 xã KV III, 02 xã KV II, 02 xã KV I) và 03 bản (Khe Ngát – TT NT Việt Trung, Rào Con – TT Phong Nha, Cà Xen – xã Thanh Hóa) của các huyện Minh Hóa, Tuyên Hóa, Bố Trạch, Quảng Ninh và Lệ Thủy.

## **2. Kinh phí hỗ trợ duy trì hoạt động của mô hình câu lạc bộ “Thủ lĩnh của sự thay đổi” (Điều 6 dự thảo Nghị quyết):**

Lý do đề nghị ban hành: Khoản 3, Điều 38 Thông tư 55/2023/TT-BT quy định: *“Chi hỗ trợ thành lập và hoạt động của câu lạc bộ “Thủ lĩnh của sự thay đổi” tại trường học trong thôn bản, nhà sinh hoạt cộng đồng: Mức hỗ trợ trọn gói tối đa 03 triệu đồng/câu lạc bộ để tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ. Mức hỗ trợ duy trì hoạt động của câu lạc bộ được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương tùy theo điều kiện, khả năng cân đối của từng địa phương”.*

Để các mô hình “Câu lạc bộ thủ lĩnh của sự thay đổi” có kinh phí duy trì các hoạt động thì ngoài Ngân sách Trung ương hỗ trợ thành lập 3 triệu đồng/câu lạc bộ thì phải bố trí từ ngân sách địa phương (đổi ứng thực hiện Chương trình MTQG Phát triển Kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi) để duy trì các hoạt động của mô hình.

Mức hỗ trợ duy trì các hoạt động của CLB đề nghị: 3 triệu đồng/câu lạc bộ/năm được bố trí từ nguồn kinh phí đối ứng ngân sách Tỉnh phân bổ cho ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG Phát triển Kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi.

### **Cơ sở đề xuất:**

- Theo hướng dẫn của Hội LHPN Việt Nam, mô hình “Câu lạc bộ thủ lĩnh của sự thay đổi” có thể được thành lập ở cộng đồng hoặc trường học. Mỗi câu lạc bộ có khoảng 15 đến 30 thành viên (Trẻ em gồm em trai và em gái có mong muốn đóng góp tích cực cho việc xây dựng môi trường an toàn, thân thiện và bình đẳng đều có thể tự nguyện đăng ký tham gia CLB).

- Nội dung hoạt động của các mô hình “Câu lạc bộ thủ lĩnh của sự thay đổi” theo hướng dẫn của Hội LHPN Việt Nam: (1) Tổ chức sinh hoạt CLB định kỳ cho các thành viên của CLB; (2) Thực hiện truyền thông cho trẻ em trong trường học và cộng đồng theo các chủ đề xác định; (3) Tổ chức giao lưu học hỏi – chia sẻ kinh nghiệm trong trẻ em; (4) Tham gia đối thoại với chính quyền địa phương về các vấn đề liên quan đến trẻ em trong phát triển kinh tế xã hội tại địa phương; (5) Thực hiện báo cáo hoạt động về CLB.

- Ban Thường vụ Hội LHPN tỉnh ban hành Hướng dẫn triển khai Dự án 8 số 12/HD-BTV ngày 06/10/2022 trong đó đề ra chỉ tiêu đến 2025 có 12 mô hình “Câu lạc bộ thủ lĩnh của sự thay đổi” được thành lập.

- Theo thống kê, rà soát hiện nay trên địa bàn tỉnh có khoảng 44 trường học thuộc các xã đặc biệt khó khăn (Lệ Thủy: 09 trường, Bố Trạch (13 trường), Minh Hóa (15 trường), Quảng Ninh (04 trường), Tuyên Hóa (03 trường).

### **3. Chi hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP (Điều 13 dự thảo Nghị quyết):**

Lý do đề nghị ban hành: Theo quy định tại Khoản đ), mục 2, điều 87 Thông tư 55/2023/TT- BTC của Bộ Tài chính: “Chi hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách trung ương không quá 50% tổng kinh phí xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện, thực tế của từng nhiệm vụ, địa phương, khả năng ngân sách, quy định chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định mức hỗ trợ cụ thể (đối với nhiệm vụ hỗ trợ do trung ương thực hiện); cơ quan phê duyệt nhiệm vụ (đối với nhiệm vụ hỗ trợ do địa phương thực hiện) quyết định mức hỗ trợ cụ thể nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”.

Theo quy định tại Khoản đ), mục 2, điều 87 Thông tư 55/2023/TT- BTC Trung ương hỗ trợ tối đa không quá 50% tổng kinh phí xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chưa đưa ra định mức hỗ trợ cụ thể vì vậy cần quy định rõ định mức hỗ trợ cụ thể và mức hỗ trợ đối ứng từ ngân sách tỉnh.

Mức hỗ trợ đề nghị như sau: Hỗ trợ từ ngân sách trung ương (50%) và ngân sách tỉnh đối ứng (50%) cho điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP theo quy định nhưng không quá 700 triệu đồng/tổng kinh phí xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **4. Chi hỗ trợ, lựa chọn, hoàn thiện và nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương (Điều 15 dự thảo Nghị quyết):**

Lý do đề nghị ban hành: Theo quy định tại khoản 1, điều 90 Thông tư 55/2023/TT- BTC của Bộ Tài chính quy định chi hỗ trợ lựa chọn, hoàn thiện và nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương theo quy định tại Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2021 phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025 và văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương, nội dung chi xây dựng, quản lý mô hình thực hiện theo quy định tại khoản 12 và khoản 13 Điều 4 Thông tư này.

Khoản 12 và khoản 13 điều 4 Thông tư 55/2023/TT-BTC quy định như sau:

“12. Chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, mô hình đối với Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới (không bao gồm các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất): Mức

*hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 70% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi, không quá 50% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện còn lại.*

*Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện thực tế của từng dự án, kế hoạch, phương án, mô hình, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này; Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định mức hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình do trung ương thực hiện; cơ quan phê duyệt dự án, kế hoạch, phương án, mô hình do địa phương thực hiện quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.*

*13. Chi xây dựng và quản lý dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất ... ”*

Vì vậy, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh về nội dung này là phù hợp và cần thiết, nhằm đưa ra mức hỗ trợ cụ thể, làm cơ sở để triển khai thực hiện.

Khoản 2, điều 127 Thông tư 55/2023/TT-BTC quy định: “*Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương để hỗ trợ thêm cùng với nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ theo quy định tại Thông tư này đảm bảo thực hiện có hiệu quả các chương trình*”. Vì vậy đề nghị quy định trong nghị quyết 02 mức hỗ trợ từ NSTW và NSĐP.

Mức hỗ trợ đề nghị: Hỗ trợ cho các mô hình không quá 300 triệu đồng/mô hình. Trong đó:

- Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương là: 70% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với mô hình tại các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các mô hình đối với các địa phương còn lại.

- Mức hỗ trợ từ ngân sách Tỉnh đối ứng: 30% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với mô hình tại các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các mô hình đối với các địa phương còn lại.

**5. Chi thực hiện các Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện; phát triển nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh (Điều 19 dự thảo Nghị quyết):**

Lý do đề nghị ban hành: Theo quy định tại khoản 2, điều 103 Thông tư 55/2023/TT- BTC của Bộ Tài chính quy định chi hỗ trợ tổ chức thực hiện đề án/kế

hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thí điểm và hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn phát sinh theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương, nội dung chi xây dựng, quản lý mô hình thực hiện theo quy định tại khoản 12, khoản 13 Điều 4 Thông tư này.

Khoản 12 và khoản 13 Điều 4 Thông tư 55/2023/TT-BTC quy định như sau:

*“12. Chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, mô hình đối với Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới (không bao gồm các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất): Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 70% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi, không quá 50% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện còn lại.*

*Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện thực tế của từng dự án, kế hoạch, phương án, mô hình, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này; Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định mức hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình do trung ương thực hiện; cơ quan phê duyệt dự án, kế hoạch, phương án, mô hình do địa phương thực hiện quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.*

*13. Chi xây dựng và quản lý dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất ...”*

Vì vậy, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh về nội dung này là phù hợp và cần thiết, nhằm đưa ra mức hỗ trợ cụ thể, làm cơ sở để triển khai thực hiện.

Khoản 2, điều 127 Thông tư 55/2023/TT-BTC quy định: *“Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương để hỗ trợ thêm cùng với nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ theo quy định tại Thông tư này đảm bảo thực hiện có hiệu quả các chương trình”*. Vì vậy đề nghị quy định trong nghị quyết 02 mức hỗ trợ từ NSTW và NSDP.

Mức hỗ trợ đề nghị: Hỗ trợ cho các mô hình không quá 1 tỷ đồng/mô hình. Trong đó:

- Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương là: 70% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với mô hình tại các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các mô hình đối với các địa phương còn lại.

- Mức hỗ trợ từ ngân sách Tỉnh đối ứng: 30% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với mô hình tại các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, 50% kinh phí/mô

hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các mô hình đối với các địa phương còn lại.

**6. Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình về thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải hữu cơ, chất thải nông nghiệp, phụ phẩm nông nghiệp, chất thải nhựa theo nguyên lý tuần hoàn; mô hình cộng đồng dân cư không rác thải nhựa (Điều 20 dự thảo Nghị quyết):**

Lý do đề nghị ban hành: Theo quy định tại mục 1, điều 104 Thông tư 55/2023/TT- BTC của Bộ Tài chính chi hỗ trợ xây dựng các mô hình về thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải hữu cơ, chất thải nông nghiệp, phụ phẩm nông nghiệp, chất thải nhựa theo nguyên lý tuần hoàn; mô hình cộng đồng dân cư không rác thải nhựa theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương, nội dung chi xây dựng, quản lý mô hình thực hiện theo quy định tại khoản 12 và khoản 13 điều 4 Thông tư này.

Khoản 12 và khoản 13 Điều 4 Thông tư 55/2023/TT-BTC quy định như sau:

*“12. Chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, mô hình đối với Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới (không bao gồm các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất): Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 70% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi, không quá 50% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện còn lại.*

*Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện thực tế của từng dự án, kế hoạch, phương án, mô hình, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này; Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định mức hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình do trung ương thực hiện; cơ quan phê duyệt dự án, kế hoạch, phương án, mô hình do địa phương thực hiện quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.*

*13. Chi xây dựng và quản lý dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất ...”*

Vì vậy, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh về nội dung này là phù hợp và cần thiết, nhằm đưa ra mức hỗ trợ cụ thể, làm cơ sở để triển khai thực hiện.

Khoản 2, điều 127 Thông tư 55/2023/TT-BTC quy định: “Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương để hỗ trợ thêm cùng với nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ theo quy định tại Thông tư này đảm bảo thực hiện có hiệu quả các chương trình”. Vì vậy đề nghị quy định trong nghị quyết 02 mức hỗ trợ từ NSTW và NSDP.

Mức hỗ trợ đề nghị như sau: Hỗ trợ cho các mô hình quy định tại khoản 1 điều này không quá 500 triệu đồng/mô hình. Trong đó:

- Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương là: 70% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với mô hình tại các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các mô hình đối với các địa phương còn lại.

- Mức hỗ trợ từ ngân sách Tỉnh đối ứng: 30% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với mô hình tại các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các mô hình đối với các địa phương còn lại.

## **7. Chi đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường (Điều 21 dự thảo Nghị quyết):**

Lý do đề nghị ban hành: Theo quy định tại điều 105 Thông tư 55/2023/TT-BTC: “Chi đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương, nội dung chi xây dựng, quản lý mô hình thực hiện theo quy định tại khoản 12 và khoản 13 Điều 4 Thông tư này”.

Khoản 12 và khoản 13 Điều 4 Thông tư 55/2023/TT-BTC quy định như sau:

“12. Chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, mô hình đối với Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới (không bao gồm các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất): Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 70% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi, không quá 50% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện còn lại.

Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện thực tế của từng dự án, kế hoạch, phương án, mô hình, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này; Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định mức hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình do trung ương thực hiện; cơ quan phê duyệt dự án, kế hoạch, phương án, mô hình do địa phương thực hiện quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

13. Chi xây dựng và quản lý dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất ...”

Khoản 2, điều 127 Thông tư 55/2023/TT-BTC quy định: “Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn đối ứng của

ngân sách địa phương để hỗ trợ thêm cùng với nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ theo quy định tại Thông tư này đảm bảo thực hiện có hiệu quả các chương trình”. Vì vậy đề nghị quy định trong nghị quyết 02 mức hỗ trợ từ NSTW và NSDP đối ứng.

Mức hỗ trợ đề nghị như sau: Hỗ trợ cho các mô hình không quá 2 tỷ đồng/mô hình. Trong đó:

- Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương là: 70% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với mô hình tại các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các mô hình đối với các địa phương còn lại.

- Mức hỗ trợ từ ngân sách Tỉnh đối ứng: 30% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với mô hình tại các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các mô hình đối với các địa phương còn lại.

### **8. Chi hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn (Điều 22 dự thảo Nghị quyết):**

Lý do đề nghị ban hành: Theo quy định tại mục 1, điều 106 Thông tư 55/2023/TT- BTC của Bộ Tài chính quy định: “Chi hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương, nội dung chi xây dựng, quản lý mô hình thực hiện theo quy định tại khoản 12 và khoản 13 Điều 4 Thông tư này”.

Khoản 12 và khoản 13 điều 4 Thông tư 55/2023/TT-BTC quy định như sau:

“12. Chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, mô hình đối với Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới (không bao gồm các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất): Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 70% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi, không quá 50% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện còn lại.

Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện thực tế của từng dự án, kế hoạch, phương án, mô hình, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này; Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định mức hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình do trung ương thực hiện; cơ quan phê duyệt dự án, kế hoạch, phương án, mô hình do địa phương thực hiện quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

13. Chi xây dựng và quản lý dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất ...”

Khoản 2, điều 127 Thông tư 55/2023/TT-BTC quy định: “*Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương để hỗ trợ thêm cùng với nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ theo quy định tại Thông tư này đảm bảo thực hiện có hiệu quả các chương trình*”. Vì vậy đề nghị quy định trong nghị quyết 02 mức hỗ trợ từ NSTW và Ngân sách tỉnh đối ứng.

Mức hỗ trợ đề nghị như sau: Hỗ trợ cho các mô hình không quá 2 tỷ đồng/mô hình. Trong đó:

- Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương là: 70% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với mô hình tại các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các mô hình đối với các địa phương còn lại.

- Mức hỗ trợ từ ngân sách Tỉnh đối ứng: 30% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với mô hình tại các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các mô hình đối với các địa phương còn lại.

### **9. Chi hỗ trợ thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới (Điều 23 dự thảo Nghị quyết):**

Lý do đề nghị ban hành: Tại khoản 2, điều 108 Thông tư 55/2023/TT-BTC quy định: “*Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai thí điểm một số mô hình thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình theo Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT. Tùy thuộc vào nội dung của từng mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị căn cứ các quy định chi tiêu tài chính hiện hành để thực hiện. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương, nội dung chi xây dựng, quản lý mô hình thực hiện theo quy định tại khoản 12 và khoản 13 điều 4 Thông tư này*”.

Khoản 12 và khoản 13 điều 4 Thông tư 55/2023/TT-BTC quy định như sau:

“12. Chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, mô hình đối với Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới (không bao gồm các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất): Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 70% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi, không quá 50% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện còn lại.

Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện thực tế của từng dự án, kế hoạch, phương án, mô hình, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định

tại Thông tư này; Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định mức hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình do trung ương thực hiện; cơ quan phê duyệt dự án, kế hoạch, phương án, mô hình do địa phương thực hiện quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

13. Chi xây dựng và quản lý dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất ...”

Khoản 2, điều 127 Thông tư 55/2023/TT-BTC quy định: “Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương để hỗ trợ thêm cùng với nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ theo quy định tại Thông tư này đảm bảo thực hiện có hiệu quả các chương trình”. Vì vậy đề nghị quy định trong nghị quyết 02 mức hỗ trợ từ NSTW và ngân sách tỉnh đối ứng.

Mức hỗ trợ đề nghị như sau: Hỗ trợ cho các mô hình không quá 500 triệu đồng/mô hình. Trong đó:

- Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương là: 70% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với mô hình tại các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các mô hình đối với các địa phương còn lại.

- Mức hỗ trợ từ ngân sách Tỉnh đối ứng: 30% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với mô hình tại các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các mô hình đối với các địa phương còn lại.

**10. Chi thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh (Điều 24 dự thảo Nghị quyết):**

Lý do đề nghị ban hành: Tại khoản 2, điều 111 Thông tư 55/2023/TT-BTC quy định: “Chi hỗ trợ triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02 tháng 08 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT. Tùy thuộc vào nội dung của từng mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị căn cứ các quy định chi tiêu tài chính hiện hành để thực hiện. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương, nội dung chi xây dựng, quản lý mô hình thực hiện theo quy định tại khoản 12 và khoản 13 Điều 4 Thông tư này”.

Khoản 12 và khoản 13 điều 4 Thông tư 55/2023/TT-BTC quy định như sau:

“12. Chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, mô hình đối với Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới (không

bao gồm các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất): Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 70% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi, không quá 50% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện còn lại.

Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện thực tế của từng dự án, kế hoạch, phương án, mô hình, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này; Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định mức hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình do trung ương thực hiện; cơ quan phê duyệt dự án, kế hoạch, phương án, mô hình do địa phương thực hiện quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

13. Chi xây dựng và quản lý dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất ...”

Khoản 2, điều 127 Thông tư 55/2023/TT-BTC quy định: “Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương để hỗ trợ thêm cùng với nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ theo quy định tại Thông tư này đảm bảo thực hiện có hiệu quả các chương trình”. Vì vậy đề nghị quy định trong nghị quyết 02 mức hỗ trợ từ NSTW và ngân sách tỉnh đối ứng.

- Mức hỗ trợ cho các mô hình đề nghị: Không quá 1 tỷ đồng/mô hình. Trong đó:

+ Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương là: 70% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với mô hình tại các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các mô hình đối với các địa phương còn lại.

+ Mức hỗ trợ từ ngân sách Tỉnh đối ứng: 30% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với mô hình tại các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các mô hình đối với các địa phương còn lại.

**11. Chi hỗ trợ thí điểm và nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát của cộng đồng (Điều 28 dự thảo Nghị quyết):**

Lý do đề nghị ban hành: Khoản 7, điều 122 Thông tư 55/2023/TT-BTC quy định: “Chi thí điểm và nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng. Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 điều 116 Thông tư này”.

Điểm a, điểm b khoản 1 điều 116 Thông tư 55/2023/TT-BTC quy định:

*“a) Mức hỗ trợ: Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện, thực tế của từng mô hình, quy định chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) mô hình (đối với mô hình do trung ương thực hiện); cơ quan phê duyệt mô hình (đối với mô hình do địa phương thực hiện) quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) mô hình nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định;*

*b) Nội dung và mức chi xây dựng và quản lý mô hình thực hiện theo quy định tại khoản 13 điều 4 Thông tư này”.*

*- Mức hỗ trợ cho các mô hình đề nghị: không quá 200 triệu đồng/mô hình. ✓*



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH

Số:...../2023/NQ-HDND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày ... tháng ... năm 2023

DỰ THẢO

## NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định một số nội dung và mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 12

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày .../11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định một số nội dung và mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025; sau khi nghe Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế Ngân sách; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số nội dung và mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày tháng 12 năm 2023, có hiệu lực thi hành kể từ ngày.... tháng 12 năm 2023.

Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành Quy định một số nội dung và mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành./.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- UBND, các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học – Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

## **CHỦ TỊCH**

**Trần Hải Châu**

## QUY ĐỊNH

### Một số nội dung và mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Bìnhgiai đoạn 2021 – 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: /2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

## CHƯƠNG I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định một số nội dung và mức hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách Trung ương phân bổ cho địa phương và nguồn ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Sau đây gọi tắt là các chương trình MTQG) trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình MTQG.

#### **Điều 3. Nguyên tắc thực hiện**

1. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 55/2023/TT-BTC).

2. Công khai, minh bạch về quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện các nội dung của các chương trình.

3. Không sử dụng kinh phí của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm và các nội dung, nhiệm vụ bố trí kinh phí từ các chương trình, dự án khác.

4. Việc thực hiện phân bổ đảm bảo đồng bộ, không chồng chéo, trùng lặp giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025.

5. Khi các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

#### **Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện**

Nguồn vốn Trung ương bổ sung thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, ngân sách địa phương đối ứng và các nguồn vốn hợp pháp khác.

## **CHƯƠNG II**

### **QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG, MỨC HỖ TRỢ TỪ NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP THUỘC NSNN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025**

#### **Điều 5. Chi hỗ trợ duy trì hoạt động của mô hình truyền thông cộng đồng**

1. Chi hỗ trợ duy trì hoạt động của mô hình “Truyền thông cộng đồng” theo Khoản 1, Điều 36 Thông tư 55/2023/TT-BTC và theo hướng dẫn của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

2. Mức hỗ trợ từ ngân sách cấp Tỉnh để duy trì hoạt động của mô hình cho các quy định tại khoản 1 điều này là: 3 triệu đồng/mô hình/năm.

#### **Điều 6. Chi hỗ trợ duy trì hoạt động của mô hình câu lạc bộ thủ lĩnh của sự thay đổi**

1. Chi hỗ trợ các hoạt động nhằm duy trì mô hình “Câu lạc bộ thủ lĩnh của sự thay đổi” thực hiện theo Khoản 3, Điều 38 Thông tư 55/2023/TT-BTC và theo hướng dẫn của Hội LHPN Việt Nam.

2. Mức hỗ trợ từ ngân sách cấp Tỉnh để duy trì hoạt động của mô hình cho các quy định tại khoản 1 điều này là: 3 triệu đồng/mô hình/năm.

#### **Điều 7. Hỗ trợ người dân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số học xóa mù chữ**

1. Chi hỗ trợ để khuyến khích người dân trong độ tuổi từ 15 đến 60 tuổi chưa biết chữ tham gia học xóa mù chữ theo khoản 5, Điều 20 Thông tư 55/2023/TT-BTC. Mỗi người học chỉ tham gia học và nhận tiền hỗ trợ học xóa mù chữ một lần.

2. Mức hỗ trợ từ ngân sách cho các quy định tại khoản 1 điều này:

- Hỗ trợ 3 triệu đồng/người/chương trình học (Người học tham gia đủ 02 giai đoạn gồm 05 học kỳ theo cấu trúc chương trình xóa mù chữ do Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định).

- Hỗ trợ 1.800.000 đồng/người/giai đoạn 1 (Người học tham gia giai đoạn 1 bao gồm kỳ 1, kỳ 2, kỳ 3 theo cấu trúc chương trình xóa mù chữ do Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định).

- Hỗ trợ 1.200.000 đồng/người/giai đoạn 2 (Người học tham gia giai đoạn 2 bao gồm kỳ 4, kỳ 5 theo cấu trúc chương trình xóa mù chữ do Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định).

### **CHƯƠNG III**

#### **QUY ĐỊNH CÁC NỘI DUNG, MỨC HỖ TRỢ TỪ NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP THUỘC NSNN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

##### **Điều 8. Chi tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (xã khu vực III)**

1. Chi tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (xã khu vực III) theo hướng dẫn tại khoản 4, Điều 76 Thông tư 55/2023/TT- BTC và Điều 7 Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Mức hỗ trợ tối đa để đảm bảo kinh phí thiết lập mới đài truyền thanh cho các xã chưa có đài truyền thanh không quá 400 triệu đồng/đài truyền thanh xã (Trong đó từ nguồn ngân sách trung ương tối đa 300 triệu đồng/đài truyền thanh xã, ngân sách tỉnh đối ứng tối đa 100 triệu đồng/đài truyền thanh xã).

3. Mức hỗ trợ nâng cấp đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông cấp xã: mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/đài truyền thanh xã.

### **CHƯƠNG IV**

#### **QUY ĐỊNH CÁC NỘI DUNG, MỨC HỖ TRỢ TỪ NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP THUỘC NSNN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025**

##### **Điều 9. Chi hỗ trợ cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở.**

1. Chi mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã và trang bị phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện Điều 82 Thông tư 55/2023/TT- BTC, Điều 3 Thông tư số 05/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Mức hỗ trợ tối đa để đảm bảo kinh phí thiết lập mới đài truyền thanh cho các xã chưa có đài truyền thanh thực hiện theo Khoản 2 Điều 8 Quy định tại nghị quyết này.

3. Mức hỗ trợ tối đa để mở rộng hệ thống cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông đối với thôn, bản trong xã chưa có cụm loa để đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin đến các hộ dân trong xã thực hiện theo Khoản 3 Điều 8 Quy định tại nghị quyết này.

4. Mức hỗ trợ tối đa để thay thế cụm loa có dây, không dây FM hư hỏng không còn sử dụng được sang cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông không quá 25 triệu đồng/cụm.

5. Mức hỗ trợ tối đa để trang bị phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện nhằm đảm bảo yêu cầu của công tác thông tin, tuyên truyền không quá 500 triệu đồng/đài từ nguồn ngân sách Tỉnh đối ứng Chương trình MTQG Nông thôn mới.

#### **Điều 10. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô gia đình, cấp thôn**

1. Hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo khoản 1, 2 Điều 83 Thông tư 55/2023/TT- BTC.

2. Hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và ngân sách Tỉnh đối ứng để hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô gia đình, cấp thôn không quá 10 triệu đồng/mô hình quy mô gia đình, không quá 500 triệu đồng/mô hình quy mô cấp thôn. Trong đó:

a) Ngân sách Trung ương: Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao; hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các địa phương còn lại trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

b) Ngân sách Tỉnh đối ứng: Hỗ trợ 30% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao; hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các địa phương còn lại trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

#### **Điều 11. Chi hỗ trợ xây dựng và phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp**

1. Chi hỗ trợ một lần chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân tổ chức theo khoản 2, Điều 84 Thông tư 55/2023/TT- BTC. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh.

2. Mức hỗ trợ tối đa 100% kinh phí nhưng không quá 6 triệu đồng/mã số (đối với vùng trồng cây ăn trái có diện tích từ 01 ha trở lên); không quá 5 triệu đồng/mã số (đối với vùng trồng lúa có diện tích từ 5 ha trở lên); không quá 5 triệu

đồng/mã số (đối với vùng trồng rau củ quả thực phẩm có diện tích từ 0,1 ha trở lên).

3. Hỗ trợ 100% chi phí điều tra, tư vấn chứng nhận vùng sản xuất, vùng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, VietGaHP...) tối đa không quá 50 triệu đồng/vùng sản xuất.

4. Hỗ trợ chi phí truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực xã, huyện, tỉnh: Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh 100% kinh phí nhưng không quá 20 triệu đồng/cơ sở.

### **Điều 12. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại**

1. Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương cho cơ giới hóa thực hiện theo Điều 86 Thông tư 55/2023/TT-BTC.

2. Hỗ trợ từ ngân sách Trung ương (50% kinh phí thực hiện) và ngân sách Tỉnh đối ứng (50% kinh phí thực hiện) để hỗ trợ kinh phí thực hiện mô hình, dự án ứng dụng công nghệ cao nhưng không quá 200 triệu đồng/mô hình, dự án đối với trồng trọt, 100 triệu đồng/mô hình, dự án đối với chăn nuôi, 450 triệu đồng/mô hình, dự án đối với nuôi trồng thủy sản.

### **Điều 13. Chi hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP**

1. Chi hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP theo quy định tại điểm đ, Khoản 2, điều 87 Thông tư 55/2023/TT- BTC và theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Hỗ trợ từ ngân sách trung ương (50%) và ngân sách tỉnh đối ứng (50%) cho điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP theo quy định nhưng không quá 700 triệu đồng/tổng kinh phí xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **Điều 14. Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn**

1. Nội dung chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn thực hiện theo khoản 2, Điều 88 Thông tư 55/2023/TT-BTC; khoản 2, mục III Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

2. Hỗ trợ các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận và đang hoạt động có hiệu quả để phát triển và nhân rộng. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh đối với các nội dung sau:

a) Hỗ trợ các cơ sở, doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm trong nước: Vùng đồng bằng, mức hỗ trợ 50% và vùng miền núi 80% chi phí thuê gian hàng (theo thông báo của Ban tổ chức hội chợ) và hỗ trợ 50% chi phí vận chuyển tham gia hội chợ; trong tỉnh không quá 5 triệu đồng/cơ sở, doanh nghiệp; ngoại tỉnh không quá 12 triệu đồng/cơ sở, doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ các cơ sở tham gia hội chợ, triển lãm tại nước ngoài; mức hỗ trợ 100% chi phí bao gồm: Chi phí thuê gian hàng, thiết kế, dàn dựng trang trí (theo dự toán được duyệt) và hỗ trợ 50% chi phí vận chuyển hàng hóa ra nước ngoài, nhưng không quá 50 triệu đồng/cơ sở.

c) Chi hỗ trợ xây dựng điểm bán hàng, giới thiệu sản phẩm làng nghề (hỗ trợ biển hiệu, quầy kệ, một số trang thiết bị để phục vụ trưng bày và bán sản phẩm...). Mức hỗ trợ tối đa không quá 50% tổng kinh phí, nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở.

d) Chi hỗ trợ máy móc, thiết bị để khôi phục, bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% giá trị nhưng không quá 500 triệu đồng/cơ sở làng nghề.

e) Hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống khi được UBND quyết định công nhận (chỉ hỗ trợ 01 lần): Nghề truyền thống: 30 triệu đồng/01 nghề; Làng nghề: 40 triệu đồng/01 làng; Làng nghề truyền thống: 50 triệu đồng/01 làng.

### **Điều 15. Chi hỗ trợ lựa chọn, hoàn thiện và nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương**

1. Chi hỗ trợ lựa chọn, hoàn thiện và nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương theo quy định tại Khoản 1, Điều 90 Thông tư số 55/2023/TT-BTC, Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/2/2021 phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025 và văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn.

2. Hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và ngân sách Tỉnh đối ứng để hỗ trợ cho các mô hình quy định tại khoản 1 điều này không quá 300 triệu đồng/mô hình. Trong đó:

a) Hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho các mô hình quy định tại khoản 1 điều này không quá 70% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với mô hình tại các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các mô hình đối với các địa phương còn lại.

b) Mức hỗ trợ từ ngân sách Tỉnh đối ứng: 30% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với mô hình tại các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các mô hình đối với các địa phương còn lại.

### **Điều 16. Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền; hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững**

1. Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền theo điểm a, khoản 2, Điều 94 Thông tư 55/2023/TT-BTC. Nội dung chi cụ thể quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 1, Quyết định số

922/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và khoản 2, Điều 16, Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 70% trên tổng mức đầu tư do cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 2 tỷ đồng/mô hình.

2. Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo điểm d, khoản 2, Điều 94 Thông tư 55/2023/TT-BTC. Nội dung chi cụ thể quy định điểm đ, khoản 4, Điều 1, Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025 và khoản 5, Điều 16, Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Mức hỗ trợ: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ 70% trên tổng mức đầu tư do cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 3 tỷ đồng/mô hình.

#### **Điều 17. Hỗ trợ người dân ở vùng nông thôn tham gia học xóa mù chữ**

1. Chi hỗ trợ để khuyến khích người dân trong độ tuổi từ 15 đến 60 tuổi chưa biết chữ tham gia học xóa mù chữ theo Khoản 1 Điều 97, Thông tư 55/2023/TT-BTC. Mỗi người học chỉ tham gia học và nhận tiền hỗ trợ học xóa mù chữ một lần.

2. Mức hỗ trợ từ ngân sách cho các quy định tại khoản 1 điều này thực hiện theo Khoản 2 Điều 7 Quy định tại Nghị quyết này.

#### **Điều 18. Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở**

1. Chi hỗ trợ mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các Trung tâm văn hóa – thể thao cấp xã, Nhà văn hóa – khu thể thao thôn, bản phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của địa phương theo khoản 1, Điều 100 Thông tư 55/2023/TT-BTC. Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức chi cụ thể như sau:

a) Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã: 80 triệu đồng/thiết chế;

b) Nhà Văn hóa - Khu Thể thao thôn, bản: 50 triệu đồng/thiết chế (Trong đó ngân sách Trung ương hỗ trợ: tối đa 30 triệu đồng/thiết chế, ngân sách Tỉnh đối ứng tối đa 20 triệu đồng/thiết chế).

2. Chi hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã; tủ sách cho Nhà Văn hóa - Khu Thể thao thôn, bản theo khoản 2, Điều 100 Thông tư 55/2023/TT-BTC.

Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt từ nguồn kinh phí sự nghiệp văn hóa thông tin cùng cấp, mức chi cụ thể như sau:

a) Tủ sách xã: 50 triệu đồng/01 tủ sách (Trong đó ngân sách Trung ương hỗ trợ: tối đa 30 triệu đồng/01 tủ sách, ngân sách Tỉnh đối ứng tối đa 20 triệu đồng/tủ sách).

b) Tủ sách thôn, bản: 30 triệu đồng/01 tủ sách (Trong đó ngân sách Trung ương hỗ trợ: tối đa 20 triệu đồng/01 tủ sách, ngân sách Tỉnh đối ứng tối đa 10 triệu đồng/tủ sách).

**Điều 19. Chi thực hiện các Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh**

1. Chi hỗ trợ tổ chức thực hiện đề án/kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thí điểm và hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn phát sinh theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, theo quy định tại khoản 2 Điều 103 Thông tư 55/2023/TT-BTC.

2. Hỗ trợ cho các mô hình quy định tại khoản 1 điều này không quá 1 tỷ đồng/mô hình. Trong đó:

a) Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương là: 70% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với mô hình tại các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các mô hình đối với các địa phương còn lại.

b) Mức hỗ trợ từ ngân sách Tỉnh đối ứng: 30% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với mô hình tại các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các mô hình đối với các địa phương còn lại.

**Điều 20. Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình về thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải hữu cơ, chất thải nông nghiệp, phụ phẩm nông nghiệp, chất thải nhựa theo nguyên lý tuần hoàn; mô hình cộng đồng dân cư không rác thải nhựa**

1. Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình về thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải hữu cơ, chất thải nông nghiệp, phụ phẩm nông nghiệp, chất thải nhựa theo nguyên lý tuần hoàn; mô hình cộng đồng dân cư không rác thải nhựa theo quy định tại khoản 1 Điều 104 Thông tư 55/2023/TT-BTC.

2. Hỗ trợ cho các mô hình quy định tại khoản 1 điều này không quá 500 triệu đồng/mô hình. Trong đó:

a) Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương là: 70% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với mô hình tại các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các mô hình đối với các địa phương còn lại.

b) Mức hỗ trợ từ ngân sách Tỉnh đối ứng: 30% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với mô hình tại các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, 50% kinh

phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các mô hình đối với các địa phương còn lại.

**Điều 21. Chi đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường**

1. Chi đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên theo quy định tại Điều 105 Thông tư 55/2023/TT-BTC và theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Hỗ trợ cho các mô hình quy định tại khoản 1 điều này không quá 2 tỷ đồng/mô hình. Trong đó:

a) Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương là: 70% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với mô hình tại các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các mô hình đối với các địa phương còn lại.

b) Mức hỗ trợ từ ngân sách Tỉnh đối ứng: 30% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với mô hình tại các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các mô hình đối với các địa phương còn lại.

**Điều 22. Chi hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn**

1. Chi hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn theo quy định tại khoản 1, Điều 106 Thông tư 55/2023/TT-BTC và theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn.

2. Hỗ trợ cho các mô hình quy định tại khoản 1 điều này không quá 2 tỷ đồng/mô hình. Trong đó:

a) Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương là: 70% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với mô hình tại các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các mô hình đối với các địa phương còn lại.

b) Mức hỗ trợ từ ngân sách Tỉnh đối ứng: 30% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với mô hình tại các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các mô hình đối với các địa phương còn lại.

**Điều 23. Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai thí điểm một số mô hình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn**

1. Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai thí điểm một số mô hình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn theo Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước

sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 108 Thông tư 55/2023/TT-BTC.

2. Hỗ trợ cho các mô hình quy định tại khoản 1 điều này không quá 500 triệu đồng/mô hình. Trong đó:

a) Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương là: 70% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với mô hình tại các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các mô hình đối với các địa phương còn lại.

b) Mức hỗ trợ từ ngân sách Tỉnh đối ứng: 30% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với mô hình tại các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các mô hình đối với các địa phương còn lại.

#### **Điều 24. Chi hỗ trợ triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới**

1. Chi hỗ trợ triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02 tháng 08 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 111 Thông tư 55/2023/TT-BTC.

2. Hỗ trợ cho các mô hình quy định tại khoản 1 điều này không quá 1 tỷ đồng/mô hình. Trong đó:

a) Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương là: 70% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với mô hình tại các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các mô hình đối với các địa phương còn lại.

b) Mức hỗ trợ từ ngân sách Tỉnh đối ứng: 30% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với mô hình tại các huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các mô hình đối với các địa phương còn lại.

#### **Điều 25. Chi triển khai Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”**

1. Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp theo khoản 1, Điều 116 Thông tư 55/2022/TT-BTC và theo hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

2. Hỗ trợ từ ngân sách đối với mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa 70 triệu đồng/mô hình.

**Điều 26. Chi hỗ trợ triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025”**

1. Chi hỗ trợ thành lập mô hình và duy trì hoạt động mô hình hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp tại cấp tỉnh và nhân rộng mô hình tại cấp huyện/xã thành phố; mạng lưới cố vấn/tư vấn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh và mới thành lập do phụ nữ làm chủ theo quy định tại điểm c, Khoản 2 Điều 117 Thông tư 55/2023/TT-BTC.

2. Hỗ trợ từ ngân sách đối với mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa 70 triệu đồng/mô hình.

**Điều 27. Chi vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”**

1. Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình điểm và nhân rộng các mô hình sẵn có nhằm vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch theo khoản 4, Điều 119 Thông tư 55/2023/TT-BTC.

2. Hỗ trợ từ nguồn ngân sách đối với mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa 30 triệu đồng/mô hình.

**Điều 28. Chi hỗ trợ thí điểm và nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát của cộng đồng.**

1. Chi hỗ trợ thí điểm và nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát của cộng đồng theo quy định tại khoản 7, Điều 122 Thông tư 55/2023/TT-BTC.

2. Hỗ trợ cho các mô hình quy định tại khoản 1 điều này không quá 200 triệu đồng/mô hình.

**Điều 29. Chi hỗ trợ động viên, khuyến khích cho các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu**

1. Đối tượng áp dụng: Chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách Tỉnh để động viên, khuyến khích cho các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu Các các xã, thôn, hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Quảng Bình có thành tích, đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu nông thôn mới, thôn bản khó khăn đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021 – 2025 theo tiêu chí của Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận giai đoạn 2021 - 2025.

2. Nguyên tắc hỗ trợ: Mỗi đối tượng chỉ được xét hỗ trợ một lần cho mỗi mức hỗ trợ.

3. Mức hỗ trợ:

- a) Xã đạt chuẩn NTM nâng cao: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 500 triệu đồng/xã.
- b) Xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 1.000 triệu đồng/xã.
- c) Khu dân cư NTM kiểu mẫu: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 150 triệu đồng/1 KDC.
- d) Vườn mẫu NTM: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 10 triệu đồng/vườn mẫu.
- e) Thôn bản khó khăn đạt chuẩn NTM: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 250 triệu đồng/TBKK.

### **Điều 30. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với các nhiệm vụ của 03 Chương trình MTQG đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phân bổ kinh phí thực hiện trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và các quy định của pháp luật có liên quan.